



wū dǐng

屋顶

noun · roof

Example Sentences

wū dǐng shàng yǒu yì zhī māo

屋顶上有一只猫。

There is a cat on the roof.

wū dǐng shàng pù mǎn le máo cǎo

屋顶上铺满了茅草。

The roof is covered with thatch grass.

gōng rén yòng tī zǐ xiū lǐ wū dǐng

工人用梯子修理屋顶。

The worker uses a ladder to repair the roof

Trace each character, then write the word on your own.

屋	屋	屋	屋	屋	屋	屋	屋	屋	屋	屋
屋										
顶	顶	顶	顶	顶	顶	顶	顶	顶	顶	顶